TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/5/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Sơn và bà Dương Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 17/2019/TLST-HNGĐ ngày 19/3/2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-DS ngày 03/5/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 19xx; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Khu x, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Sơn C, sinh năm 19xx; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã M, huyện B, tỉnh Hà Nam. Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Ninh Khánh – Bộ Công an. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Sơn C vào ngày 19/3/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hoà thuận được khoảng 4 – 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C sử dụng ma túy; chị khuyên bảo động viên chồng không sử dụng ma túy nhưng anh C không làm được, kinh tế gia đình ngày càng khó khăn. Mẫu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào năm 2013, vợ chồng sống ly thân từ đó đến tháng 11/2017 thì anh C bị bắt và bị xử phạt 48

tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Ninh Khánh - Bộ Công an. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Sơn C trình bày: Anh và chị N tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 19/3/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống đến tháng 8/2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị N phát hiện anh sử dụng ma túy; vợ chồng sống ly thân từ đó đến tháng 11/2017 thì anh bị bắt và bị xử phạt 48 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Nay chị N kiện ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Do anh đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Ninh Khánh - Bộ Công an nên không có điều kiện tham gia giải quyết vụ án tại Toà án vì vậy anh đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Sơn C đều xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 29/10/20xx và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 23/10/20xx; hiện cả hai cháu đang sống cùng chị N. Ly hôn, chị N và anh C đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao chị N tiếp tục nuôi dưỡng các con và anh C không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con do đang chấp hành án phạt tù.

Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, trợ cấp khó khăn sau ly hôn; chị N, anh C đều tự nguyện không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện B, tỉnh Hà Nam có quan điểm: Về tố tụng, TAND huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại toà và xét xử tại phiên toà ,Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Sơn C.

2. Về con chung: Chấp nhận đề nghị của chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Sơn C; giao cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 29/10/20xx và cháu Nguyễn Minh T sinh ngày 23/10/20xx cho chị N nuôi dưỡng; anh C không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Sơn C tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 19/3/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau ngày cưới khoảng 5 – 6 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C nghiện ma tuý chị N nhiều lần khuyên bảo động viên chồng không sử dụng ma túy nhưng anh Cương không từ bỏ được việc sử dụng ma túy, kinh tế gia đình ngày càng khó khăn. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào năm 2011, vợ chồng sống ly thân từ đó đến tháng 11/2017 thì anh C bị bắt và bị xử phạt 48 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh C xảy ra đã lâu, trên thực tế cuộc sống chung của vợ chồng đã chấm dứt từ giữa năm 2013, đến nay cả hai đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Cg đã trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, xử cho chị N ly hôn anh C là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung, chị N và anh C có hai con chung là cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 29/10/20xx và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 23/10/20xx; hiện đang sống cùng chị N. Hội đồng xét xử xét thấy; các cháu Q, T đều có nguyện vọng ở với chị N, đồng thời hiện anh C đang phải chấp hành hình phạt tù không có điều kiện nuôi con do đó đề nghị của chị N, anh C tiếp tục giao cho chị N nuôi dưỡng cháu Q, cháu T và anh C không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị N là đúng thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

[3] Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, do chị N, anh C đều tự nguyện không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Sơn C.

2. Về con chung: Chấp nhận đề nghị của chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Sơn C; giao cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 29/10/20xx và cháu Nguyễn Minh

T, sinh ngày 23/10/20xx cho chị N nuôi dưỡng; anh C không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ngọc.

Chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với hai cháu Q, T.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số AA/2015/0002401 ngày 19/3/2019 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị N phải nộp. Chị N đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị N biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh C biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Uỷ ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Mỹ Thọ, huyện B;
- UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(Đã ký)